

Bản án số: 286/2023/DS-PT
Ngày: 22 - 5 - 2023
V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Vân

Các Thẩm phán: Ông Mai Xuân Thành
Ông Hà Huy Cầu

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 634/2022/TLPT-DS ngày 12 tháng 12 năm 2022 về việc: “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1006/2023/QĐPT-DS ngày 04 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1971; địa chỉ thường trú: 17.6 L17, Lô B Chung cư 155, đường Nguyễn Chí Th, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đỗ Bảo C là Luật sư của Văn phòng Luật sư Đình Việt thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 107A-B, N, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí

2. **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Mộng Th, sinh năm 1966; địa chỉ: Số 694, đường Cách mạng tháng Tám, tổ 5, khu phố 1, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Ngọc R, sinh năm 1995; địa chỉ liên lạc: Tổ dân phố 5, thị trấn K, K, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Đinh Tấn T, là Luật sư của Công ty Luật TNHH Một thành viên Phú Trường thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ: 78A, Đ, khu phố 7, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1967; địa chỉ liên hệ: 17.6 L17, Lô B Chung cư 155, đường Nguyễn Chí Th, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị Thu H2, sinh năm 1973; hộ chiếu số: N2152970; địa chỉ liên lạc: 68 Hawkins DR Cambridge - ON NIT 2A3 Canada.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H và bà H2: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1971; địa chỉ thường trú: 17.6 L17, Lô B Chung cư 155, đường Nguyễn Chí Th, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Lê Hồng K, sinh năm: 1963;

- Anh Lê M, sinh năm: 1994;

- Anh Lê Hồng Q, sinh năm: 2000;

Cùng địa chỉ: Số 694, đường Cách mạng tháng Tám, tổ 5, khu phố 1, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

(Tại phiên tòa có mặt bà T, ông Ch, ông R)

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong suốt quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:

Cụ ông Nguyễn Văn S, chết năm 2004 và cụ bà Trần Thị Ph, chết năm 2010, không có đi chúc; 02 cụ sinh được 04 người con: Bà Nguyễn Thị Thu T, bà Nguyễn Thị Mộng Th, bà Nguyễn Thị Thu H và bà Nguyễn Thị Thu H2; 02 cụ không có con nuôi hoặc con riêng.

Cha của cụ S (chết năm 1952), mẹ của cụ S (chết năm 1997) và cha Ph (chết năm 1996), mẹ của cụ Ph (chết năm 1989).

Tài sản do cụ S và cụ Ph để lại là: Diện tích 199,1m² (trong đó đất ở có 160m²) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01415QSĐĐ/H do UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp ngày 30/6/2004 (do hộ cụ Trần Thị Ph đứng tên), nhà cấp III + IV gắn liền đất theo Giấy chứng nhận sở hữu nhà do UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp ngày 21/8/2007 (cụ Trần Thị Ph đứng tên); tọa lạc tại số 694, Cách mạng tháng Tám, tổ 5, khu phố 1,

phường Chánh Nghĩa, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Ngoài ra, cụ S và cụ Ph còn để lại 01 phần đất ở nơi khác nhưng các chị em đã thống nhất bán và phân chia, không còn tranh chấp.

Vợ chồng bà Th về sống cùng cụ S và cụ Ph tại nhà đất nêu sau khi sinh người con thứ hai (năm 2000). Sau khi cụ S và cụ Ph chết, các chị em đã liên hệ bà Th để thảo luận về việc phân chia tài sản thừa kế của cha mẹ để lại nhưng bà Th không đồng ý. Bà Th cho rằng nhà gắn liền đất là do bà Th đưa tiền để cụ Ph đứng tên cất nhà là không đúng, thực tế mẹ (cụ Ph) có bán một phần đất liền kề để lấy tiền cất nhà; giấy phép xây dựng, giấy tờ sở hữu nhà đều do cụ Ph đứng tên.

Sau khi cụ Ph mất, bà Th cho thuê phần phía trước nhà trong 10 năm với giá thuê khoảng là 10.000.000 đồng/tháng (tổng cộng 1.200.000.000 đồng).

Nay, nguyên đơn bà T yêu cầu phân chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với phần đất có diện tích 199,1m² và nhà gắn liền đất (tại số 694, Cách mạng tháng Tám, tổ 5, khu phố 1, phường Chánh Nghĩa, thành phố T, tỉnh Bình Dương) nêu trên theo quy định của pháp luật thừa kế; không thống nhất với bị đơn về giá trị tài sản và cách thức phân chia tài sản.

Về tang lễ của cha mẹ, công sức và chi phí chăm sóc cha mẹ đều do các chị em đóng góp, cá nhân bà Th không có công sức nhiều hơn nên không tính riêng phần cho bà Th trước khi chia thừa kế; ngoài ra, tiền thuê nhà hơn 10 năm bà Th đã hưởng nên xem như công sức của bà Th. Cha mẹ chết không để lại nghĩa vụ về tài sản và cũng không còn tài sản nào khác ngoài nhà, đất nêu trên.

Ý kiến trình bày của bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

Bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn thống nhất về quan hệ huyết thống như nguyên đơn trình bày.

Cụ S và cụ Ph chết không để lại di chúc.

Tài sản của 02 cụ để lại là quyền sử dụng đất diện tích 199,1m² (trong đó có 160m² đất ở), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01415QSDĐ/H cấp ngày 30/6/2004 cho hộ cụ Trần Thị Ph.

Về nhà gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở cấp ngày 21/8/2007. Mặc dù, cụ Ph đứng tên giấy phép xây dựng, đứng tên quyền sở hữu nhà nhưng tiền xây nhà do bà Th bỏ ra để xây dựng thời điểm năm 2007 là 58 cây vàng. Chủ thầu xây dựng căn nhà cho bà Th là ông Trần Văn Ph, ông Trần Văn N; hàng xóm biết sự việc là bà Hồ Thị H, bà Huỳnh Thị Thanh P. Ngoài ra, bà Th cũng là người trực tiếp chăm sóc, phụng dưỡng cụ Ph; hiện nay bà Th cũng là người lo nhang khói, cúng giỗ cho cụ S, cụ Ph.

Nay, bà Th đồng ý chia thừa kế theo pháp luật đối với giá trị quyền sử dụng đất, riêng giá trị căn nhà các chị em phải thanh toán giá trị lại cho bà Th. Ngoài ra, bà Th yêu cầu Tòa án tính một phần công sức theo quy định của pháp luật (không xác định con số cụ thể) về việc chăm sóc cho cụ Ph, cụ S, lo tang lễ cho hai cụ và công sức gìn giữ di sản.

Cụ S, cụ Ph không còn tài sản nào khác, không có nghĩa vụ về tài sản

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (bà Nguyễn Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Thu H2) có ý kiến và yêu cầu thống nhất với ý kiến và yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chồng và con của bị đơn bà Th gồm:

- Ông Lê Hồng K trình bày toàn bộ giá trị căn nhà là do vợ chồng ông K, bà Th xây dựng nhưng do thời gian đã lâu nên không lưu giữ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh về việc đã bỏ chi phí xây dựng. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật và giải quyết vắng mặt.

- Anh Lê Hồng Q trình bày giống ý kiến của ông Kông và xin xét xử vắng mặt.

- Anh Lê M có ý kiến căn nhà đang tranh chấp là do bà Th, ông Kông xây dựng và xin xét xử vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 26/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 37, 227, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân

Căn cứ các Điều 623, 649, 650, 651, 658 và 660 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, thu, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T

2. Xác định tài sản bao gồm: Ngôi nhà cấp III + IV, theo Giấy chứng quyền sở hữu nhà ở do UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp ngày 21/8/2007 cho cụ Trần Thị Ph là di sản thừa kế do cụ Trần Thị Ph (chết năm 2010) để lại.

Quyền sử dụng đất gắn liền nhà diện tích 199,1m (trong đó đất ở có 160m), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01415QSDĐ/H do UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp ngày 30/6/2004 cho hộ cụ Trần Thị Ph; tọa lạc tại số 694, Cách mạng tháng Tám, tổ 5, khu phố 1, phường Chánh Nghĩa, thành phố T, tỉnh Bình Dương là di sản thừa kế do cụ Nguyễn Văn S (chết năm 2004) và cụ Trần Thị Ph (chết năm 2010) để lại.

Tuyên bán đấu giá nhà, đất gắn liền nêu trên; tiền thu được sau khi bán đấu giá được trừ các chi phí quan đến thủ tục bán đấu giá; trích 10% giá trị tài sản cho công sức của bà Nguyễn Thị Mộng Th; còn lại chia đều cho 04 thừa kế ở hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Văn S và cụ Trần Thị Ph, bao gồm: bà Nguyễn Thị Mộng Th, bà Nguyễn Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Thu T và bà Nguyễn Thị Thu H2.

3. Buộc bà Nguyễn Thị Mộng Th, ông Lê Hồng K, anh Lê Hồng Q và anh Lê M phải giao nhà, đất cho cơ quan có thẩm quyền để bàn giao cho người mua được tài sản đấu giá.

Buộc bà Nguyễn Thị Mộng Th, ông Lê Hồng K phải giao bản chính Giấy chứng quyền sở hữu nhà ở cấp cho cụ Trần Thị Ph ngày 21/8/2007, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01415QSDĐ/H cấp cho hộ cụ Trần Thị Ph ngày 30/6/2004 cho cơ quan có thẩm quyền để bàn giao cho người mua được tài sản đấu giá.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tranh luận: Bà Th là người sử dụng và cho thuê nhà trên 10 triệu/tháng trong vòng 10 năm. Thời gian chung sống cùng cha mẹ thể hiện bà Th có một khoảng thời gian về nhà chồng đến năm 2000 mới về ở cha mẹ, bà H2 cũng ở chung cha mẹ đến năm 2010 mới xuất cảnh, bà H thì ở đến 2022 mới xuống Sài Gòn, bà T ở đến 2010. Như vậy không có sự chênh lệch chăm sóc giữa các chị em. Do vậy, đề nghị sửa bản án sơ thẩm không trích 10% giá trị tài sản thừa kế cho bà Th.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn tranh luận: Phần căn nhà xây dựng hoàn toàn bằng tiền của bà Th, vợ chồng bà Th về ở cụ Ph đã xây dựng lên căn nhà này, có ông Trần Văn Ph chủ thầu xây dựng khai đã nhận tiền của bà Th, anh chị em nói xây nhà bằng tiền bán đất nhưng khi đó bán đất chỉ 92 triệu không thể đủ tiền xây nhà. Bị đơn đã sinh sống ở đây có công sức gìn giữ tôn tạo lại căn nhà không căn nhà đã xuống cấp trầm trọng. Đề nghị HĐXX y án sơ thẩm

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Về hình thức đơn kháng cáo lập trong thời hạn luật định nên được chấp nhận. Về nội dung: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H kháng cáo nhưng tại phiên tòa phúc thẩm không đưa ra được tình tiết nào mới chứng minh cho yêu cầu của mình là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H nộp trong thời hạn quy định của pháp luật nên hợp lệ.

Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết tòa sơ thẩm xác định là theo quy định Điều 26, 35, 37 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Cụ Nguyễn Văn S, chết năm 2004 và cụ Trần Thị Ph, chết năm 2010 không để lại di chúc nên tài sản thừa kế của 02 cụ để lại được phân chia cho các thừa kế ở hàng thứ nhất của 02 cụ theo pháp luật. Người thừa kế ở hàng thứ nhất của 02 cụ có 04 người: Bà Nguyễn Thị Thu T, bà Nguyễn Thị Thu H2, bà Nguyễn Thị Thu H và bà Nguyễn Thị Mộng Th

Tài sản của hai cụ để lại là diện tích đất 199,1m² (trong đó đất ở có 160m²) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01415QSDĐ/H do UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp ngày 30/6/2004 cho hộ cụ Trần Thị Ph và căn nhà theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cấp cho cụ Ph ngày 21 tháng 8 năm 2007.

Theo kết quả của Hội đồng định giá xác định: Quyền sử dụng đất trị giá 15.555.000.000 đồng và căn nhà trị giá 943.005.180 đồng.

Tại sơ thẩm do các đương sự không thống nhất về giá trị di sản và cách thức phân chia di sản nên Tòa án sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 660 Bộ luật Dân sự tuyên bán đấu giá tài sản để chia cho 04 người con sau khi trừ đi 10% giá trị tài sản cho bà Th do bà Th có công sức gìn giữ bảo quản di sản do cha mẹ để lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thống nhất về di sản và cách phân chia như tại sơ thẩm nhưng nguyên đơn và phía người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đồng ý để bà Th được hưởng 10% giá trị tài sản. Cho rằng bà Th đã được hưởng tiền thuê nhà 10 triệu/tháng trong vòng 10 năm, còn việc chăm sóc cha mẹ là nghĩa vụ của các con cái, thời gian chung sống cùng cha mẹ thể hiện bà Th có một khoảng thời gian về nhà chồng đến năm 2000 mới về ở cha mẹ, bà H2 cũng ở chung cha mẹ đến năm 2010 mới xuất cảnh, bà H thì ở đến 2022 mới xuống Sài Gòn, bà T ở đến 2010 nên không có sự chênh lệch chăm sóc giữa các chị em. Về tiền cất nhà bà Th không có căn cứ chứng minh bỏ tiền ra xây nhà. Xét ý kiến trình bày của phía nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có căn cứ nên cần chấp nhận kháng cáo của bà T và bà H sửa bản án sơ thẩm, bà Th không được hưởng công sức đóng góp, tôn tạo tài sản.

[3] Về án phí:

*Án phí sơ thẩm các đương sự phải chịu tương ứng với phần giá trị tài sản đã chia. Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả định giá Hội đồng định giá để tính án phí đối với phần giá trị tài sản các bên được chia. Cụ thể: theo kết quả của Hội đồng định giá xác định: Quyền sử dụng đất trị giá 15.555.000.000 đồng và căn nhà trị giá 943.005.180 đồng. Tổng cộng: 16.498.005.000 đồng. Mỗi người con được hưởng phần giá trị tương đương 4.142.501.295 đồng.

Như vậy, án phí sơ thẩm bà T, bà H2, bà H, bà Th mỗi người phải chịu: $112.000.000 + 0.1\% \times 142.501.295 = 112.142.501$ đồng

*Án phí phúc thẩm: Do bản án bị sửa nên bà T và bà H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H.

Sửa bản án sơ thẩm

Căn cứ các Điều 26, 37, 227 của Bộ luật Tố tụng dân

Căn cứ các Điều 623, 649, 650, 651, 658 và 660 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T

2. Xác định tài sản bao gồm: Ngôi nhà cấp III + IV, theo Giấy chứng quyền sở hữu nhà ở do UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp ngày 21/8/2007 cho cụ Trần Thị Ph là di sản thừa kế do cụ Trần Thị Ph (chết năm 2010) để lại.

Quyền sử dụng đất gắn liền nhà diện tích 199,1m² (trong đó đất ở có 160m²), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01415QSDĐ/H do UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp ngày 30/6/2004 cho hộ cụ Trần Thị Ph; tọa lạc tại số 694, Cách mạng tháng Tám, tổ 5, khu phố 1, phường Chánh Nghĩa, thành phố T, tỉnh Bình Dương là di sản thừa kế do cụ Nguyễn Văn S (chết năm 2004) và cụ Trần Thị Ph (chết năm 2010) để lại.

Tuyên bán đấu giá nhà, đất gắn liền nêu trên; tiền thu được sau khi bán đấu giá được trừ các chi phí quan đến thủ tục bán đấu giá; còn lại chia đều cho 04 thừa kế ở hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Văn S và cụ Trần Thị Ph, bao gồm: bà Nguyễn Thị Mộng Th, bà Nguyễn Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Thu T và bà Nguyễn Thị Thu H2.

3. Buộc bà Nguyễn Thị Mộng Th, ông Lê Hồng K, anh Lê Hồng Q và anh Lê M phải giao nhà, đất cho cơ quan có thẩm quyền để bàn giao cho người mua được tài sản đấu giá.

Buộc bà Nguyễn Thị Mộng Th, ông Lê Hồng K phải giao bản chính Giấy chứng quyền sở hữu nhà ở cấp cho cụ Trần Thị Ph ngày 21/8/2007, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01415QSDĐ/H cấp cho hộ cụ Trần Thị Ph ngày 30/6/2004 cho cơ quan có thẩm quyền để bàn giao cho người mua được tài sản đấu giá.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu 112.142.501 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 17.000.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí lệ

phí số 0044682 ngày 11/8/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương; bà Nguyễn Thị Thu T còn phải nộp 95.142.501 đồng.

Bà Nguyễn Thị Mộng Th, bà Nguyễn Thị Thu H2 và bà Nguyễn Thị Thu H mỗi người phải chịu 112.142.501 đồng

II. Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu T và bà Nguyễn Thị Thu H không phải chịu án phí, mỗi người được hoàn lại 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000235 và 0000236 ngày 09/9/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Đường sự
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án (MTTT)

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Huyền Vân